

Quyển II

Sự quán thấy của Đức Phật về sự vận hành của thế giới

(Bài 3)

Tiếp theo dưới đây là sáu bài thuyết giảng của Đức Phật nêu lên một vấn đề khá tế nhị và phức tạp, không những đối với người xuất gia mà cả những người thế tục, đó là vấn đề dục tính. Dường như Phật giáo là tín ngưỡng duy nhất trực tiếp nêu lên một quan điểm dứt khoát về vấn đề này. Thật vậy trong kinh điển Pali có rất nhiều bài giảng giải thích và nêu lên một tầm nhìn vừa bao quát vừa thiết thực và thẳng thắn giúp người tu tập tìm hiểu và đối phó với vấn đề gay go này. Sáu bài thuyết giảng được chọn lựa và trích dẫn dưới đây là nhằm vào chủ đích đó.

Dầu sao trên phương diện tổng quát thì các bài giảng của Đức Phật, dù thuộc cấp bậc sâu sắc nào – giảng cho những người bình dị, cho vua chúa hay những người tu hành uyên bác – đều mang tính cách ứng dụng và cụ thể. Các khía cạnh lý thuyết và triết học chỉ là hậu cảnh trong việc tu tập mà thôi. Các bài giảng trích dẫn dưới đây thuộc các cấp bậc sâu sắc khác nhau, dành cho những người nghe giảng có trình độ hiểu biết khác nhau, thế nhưng đều phản ánh kín đáo nguyên lý tương liên tương tác và tương tạo giữa mọi hiện tượng. Bài giảng thứ nhất như sau:

Bài giảng về sự sâu sắc

Nibbedhika Sutta - AN 6.63

Chữ *nibbedhika* có nghĩa là sự thấu hiểu sâu sắc (penetration). Trong bài giảng này Đức Phật nêu lên thật ngắn gọn và trực tiếp các khía cạnh liên quan đến vấn đề dục tính: dục tính phát sinh từ đâu, phát tán như thế nào, hậu quả của dục tính là gì, phải làm thế nào để hậu quả đó phải chấm dứt. Quả vậy, dục tính là một trong các nguyên nhân thúc đẩy phức tạp, kín đáo, sâu xa và dai dẳng nhất mang lại khổ đau cho con người.

«Này các tỳ-kheo, ta sẽ giảng cho các tỳ-kheo về sự sâu sắc trong những lời giáo huấn Dhamma (*Đạo Pháp*)».

Các tỳ-kheo đáp lại: «Vâng, thưa Thế Tôn».

Đấng Thế Tôn thuyết giảng như sau: «Vây sự sâu sắc trong những lời giáo huấn Dhamma là gì?».

«Phải hiểu được **dục tính** là gì. Phải hiểu được nguyên nhân làm phát sinh ra dục tính là gì. Phải hiểu được sự **đa dạng** (*sự biến dạng và phát tán*) của dục tính là gì. Phải hiểu được **hậu quả** mang lại bởi dục tính là gì. Phải hiểu được sự **chấm dứt** của dục tính là gì. Phải hiểu được **con đường tu tập** đưa đến sự chấm dứt của dục tính là gì.

«Phải hiểu được **giác cảm** (*feeling / các cảm giác phát sinh từ các cơ quan giác cảm*) là gì. Phải hiểu được nguyên nhân làm phát sinh ra giác cảm là gì. Phải hiểu được tính cách đa dạng của giác cảm là gì. Phải hiểu được hậu quả mang lại bởi giác cảm là gì. Phải hiểu được sự chấm dứt của giác cảm là gì. Phải hiểu được con đường tu tập đưa đến sự chấm dứt giác cảm là gì.

«Phải hiểu được **sự cảm nhận** (*perception / các sự nhận biết của lục giác*) là gì. Phải hiểu được nguyên nhân làm phát sinh ra sự cảm nhận là gì. Phải hiểu được sự đa dạng của sự cảm nhận là gì. Phải hiểu được hậu quả mang lại bởi sự cảm nhận là gì. Phải hiểu được sự chấm dứt của sự cảm nhận là gì. Phải hiểu được con đường tu tập đưa đến sự chấm dứt của sự cảm nhận là gì.

«Phải hiểu được **sự phát tán** (*effluent / tiếng Pali là āsava / sự tỏa rộng và biến thể làm phát sinh ra các thể dạng khác*) là gì. Phải hiểu được nguyên nhân làm phát sinh ra sự phát tán là gì. Phải hiểu được sự đa dạng của sự phát tán là gì. Phải hiểu được hậu quả mang lại từ sự phát tán là gì. Phải hiểu được sự chấm dứt của sự phát tán là gì. Phải hiểu được con đường tu tập đưa đến sự chấm dứt của sự phát tán là gì.

«Phải hiểu được **kamma** là gì (*kinh sách Hán ngữ dịch chữ kamma là ‘nghiệp’. Nguyên nghĩa của chữ này là hành động / action, thế nhưng chữ ‘hành động’ / kamma trong kinh điển Pali mang ý nghĩa bao quát hơn chữ hành động mà chúng ta thường hiểu. Chữ kamma trong kinh điển bao gồm các hành động*

trên thân thể, lời ăn tiếng nói, cùng các sự suy nghĩ, các ý định, các sự hình dung, tưởng tượng, kể cả các xúc cảm trong tâm thần của một cá thể. Nói chung ý nghĩa của chữ kamma rất rộng, không có từ nào tương đương trong các ngôn ngữ khác. Các học giả Tây phương ngày nay có xu hướng không dịch chữ kamma mà giữ nguyên như thế). Phải hiểu được sự đa dạng của kamma là gì. Phải hiểu được hậu quả mang lại từ kamma là gì. Phải hiểu được sự chấm dứt của kamma là gì. Phải hiểu được con đường đưa đến sự chấm dứt của kamma là gì.

«Phải hiểu được **khổ đau** là gì. Phải hiểu được nguyên nhân làm phát sinh ra khổ đau là gì. Phải hiểu được sự đa dạng của khổ đau là gì. Phải hiểu được hậu quả mang lại bởi khổ đau là gì. Phải hiểu được sự chấm dứt của khổ đau là gì. Phải hiểu được con đường tu tập đưa đến sự chấm dứt khổ đau là gì.

(Phân đoạn trên đây nêu lên hai chuỗi níu kéo trong nguyên lý tương liên. Chuỗi níu kéo thứ nhất gồm: dục tính - giác cảm - sự cảm nhận - sự phát tán – kamma / nghiệp - khổ đau. Mỗi hiện tượng trên đây lại lệ thuộc vào một chuỗi níu kéo thứ hai, thí dụ đối với trường hợp của giác cảm thì chuỗi níu kéo thứ hai sẽ là: nguyên nhân làm phát sinh giác cảm - sự đa dạng (sự phát tán) của giác cảm - hậu quả mang lại từ sự phát tán - kamma phát sinh từ sự phát tán - khổ đau phát sinh từ kamma - sự chấm dứt của kamma, và sự chấm dứt đó cũng là sự giải thoát. Nói một cách tổng quát hơn thì: ‘Khi cái này có, cái kia có’; ‘Khi dục tính có thì khổ đau có’; ‘Khi dục tính tan biến thì sự giải thoát hiện ra).

Dục tính

«Phải hiểu được **dục tính** là gì. Phải hiểu được nguyên nhân làm phát sinh ra dục tính là gì. Phải hiểu được sự đa dạng của dục tính là gì. Phải hiểu được hậu quả của dục tính là gì. Phải hiểu được sự chấm dứt của dục tính là gì. Phải hiểu được con đường đưa đến sự chấm dứt của dục tính là gì. Đây là những lời đã được nêu lên. Những lời ấy chủ yếu là để nói lên điều gì?

«Có năm khoen nối kết (**năm mối dây trói buộc**) của dục tính: 1- hình tướng nhận biết bởi mắt – mang tính cách thích thú, hợp ý, khả ái, đáng yêu, đưa đến sự thèm khát dục tính; 2- âm thanh nhận biết bởi tai [...] (**lập lại như trên đây**); 3- mùi nhận biết bởi mũi [...]; 4- vị nhận biết bởi lưỡi [...]; 5- cảm giác của các sự đụng chạm nhận biết bởi thân thể – mang tính cách thích thú, hợp ý, khả ái, đáng yêu, đưa đến sự thèm khát dục tính. Thế nhưng nếu không hề có sự thèm

khát dục tính xảy ra, thì người ta sẽ gọi năm khoen nối kết (năm mối dây trói buộc) ấy là thành phần tu tập của những người cao quý (những người tu hành chân chính phải ý thức về sự thèm khát dục tính hầu giúp mình thoát ra khỏi nó các sự nối kết và trói buộc của dục tính).

Sự đam mê là một hình thức thúc đẩy (resolve / một sự biến thể) hiện lên từ dục tính của con người, (tình yêu, sự say đắm, lạc thú dục tính là các hình thức biểu lộ phát sinh từ bản năng truyền giống của con người),

Nhưng không hề là các thú vui dục tính tìm thấy trong thế giới (trong thế giới có các niềm vui thích sâu xa và tinh khiết hơn so với các lạc thú dục tính bên trong mỗi cá thể con người).

Sự đam mê là một hình thức thúc đẩy hiện lên từ dục tính của con người. Các cái đẹp trong thế giới thì lúc nào cũng đẹp (không hề biến thể để hóa thành một sự thúc đẩy nào cả).

[Thế nhưng] điều đó chỉ nhận thấy được bởi những con người thức tỉnh, Khi họ đã khắc phục được sự thèm khát từ bên trong chính mình.

«Vậy nguyên nhân nào làm phát sinh ra dục tính? Sự **tiếp xúc** (sự tiếp cận giữa lục giác và các đối tượng của lục giác) [là nguyên nhân] làm phát sinh ra dục tính.

«Vậy sự đa dạng của dục tính là gì? Dục tính liên quan với hình tướng (thân thể, dung nhan, vóc dáng) là một thứ, dục tính liên quan với âm thanh (tiếng nói, giọng nói) là một thứ khác, dục tính liên quan với mùi là một thứ khác, dục tính liên quan với vị là một thứ khác, dục tính liên quan với các cảm giác đụng chạm [trên thân thể] là một thứ khác. Đây gọi là sự đa dạng của dục tính (dục tính hiện ra qua các sự cảm nhận của ngũ giác).

«Vậy hậu quả tạo ra bởi dục tính là gì? [Đây là trường hợp] một người mong muốn tạo được cho mình [các thú vui] dục tính trong thể dạng hiện hữu này (kiếp sống này) của mình, không màng đến [các khía cạnh] đạo-đức hay phi-đạo-đức. Đây gọi là hậu quả tạo ra bởi dục tính.

«Vậy sự chấm dứt của dục tính là gì? **Sự chấm dứt của sự tiếp xúc** (sự tiếp cận giữa lục giác và các đối tượng cảm nhận của lục giác) sẽ đưa đến sự chấm dứt của dục tính; và con đường tu tập gồm tám điều cao quý (bát chánh đạo) – quan điểm đúng, quyết tâm đúng, ngôn từ đúng, hành động đúng, phương tiện

sinh sống đúng, cố gắng đúng, suy nghĩ đúng (*mindfulness / chánh niệm*), tập trung tâm thần đúng (*concentration / chánh định*) – là phương tiện đưa đến sự chấm dứt của dục tính.

«Khi nào người đệ tử của các vị cao quý nhận định được dục tính đúng theo phương cách (*cung cách*) đó (*tức là con đường gồm tám điều cao quý / bát chánh đạo*), nhận định được nguyên nhân làm phát sinh ra dục tính đúng theo phương cách đó, [...] sự đa dạng của dục tính đúng theo phương cách đó, [...] hậu quả tạo ra bởi dục tính đúng theo phương cách đó, [...] sự chấm dứt của dục tính đúng theo phương cách đó, và [sau hết là] con đường tu tập đưa đến sự chấm dứt dục tính đúng theo phương cách đó, thì người đệ tử ấy sẽ thấu triệt được sự *sâu xa* nói đến trên đây trong suốt cuộc đời mình.

«‘Phải hiểu được **dục tính** là gì. Phải hiểu được nguyên nhân làm phát sinh ra dục tính là gì. Phải hiểu được sự đa dạng của dục tính là gì. Phải hiểu được hậu quả mang lại từ dục tính là gì. Phải hiểu được sự chấm dứt của dục tính là gì. Phải hiểu được con đường tu tập đưa đến sự chấm dứt của dục tính là gì’. Đây là những lời đã được nêu lên, và cũng chính vì [ý nghĩa hàm chứa trong] những lời nói ấy mà [ta] đã phải nói lên những lời nói ấy (*đây là những lời nhấn mạnh thật đanh thép của Đức Phật nhằm cảnh giác các vị tỳ-kheo và những người thế tục nói chung*).

Giác cảm

«‘Phải hiểu được **giác cảm** là gì. Phải hiểu được nguyên nhân làm phát sinh ra giác cảm là gì. Phải hiểu được sự đa dạng của giác cảm là gì. Phải hiểu được hậu quả mang lại từ giác cảm là gì. Phải hiểu được sự chấm dứt của giác cảm là gì. Phải hiểu được con đường tu tập đưa đến sự chấm dứt giác cảm là gì’. Đây là những lời đã được nêu lên, và những lời ấy là để nêu lên điều gì?

«Có ba thứ giác cảm: giác cảm thích thú, giác cảm đón đau và giác cảm không thích thú cũng không đón đau (*trung hòa*).

«Vậy nguyên nhân nào đã tạo ra giác cảm? **Sự tiếp xúc** là nguyên nhân tạo ra giác cảm.

«Vậy sự đa dạng của giác cảm là gì? Đây là giác cảm thích thú **liên quan** đến các miếng mồi (*các sự quyến rũ, thu hút và đam mê của lục giác*) trong thế

giới. Đây là giác cảm thích thú **không liên quan** gì đến các miếng mồi trong thế giới. Đây là giác cảm đớn đau liên quan đến các miếng mồi trong thế giới. Đây là giác cảm đớn đau không liên quan gì đến các miếng mồi trong thế giới. Đây là giác cảm không thích thú cũng không đớn đau liên quan đến các miếng mồi trong thế giới. Đây là xúc cảm không thích thú cũng không đớn đau không liên quan gì đến các miếng mồi trong thế giới. Đây gọi là sự đa dạng của giác cảm (một người bình dị cảm nhận được sự thích thú, đớn đau hoặc trung hòa qua các giác cảm của mình, một người tu hành cũng cảm nhận được các giác cảm, nhưng không diễn đạt các giác cảm ấy là thích thú, đớn đau hay trung hòa, mà vượt lên trên các giác cảm ấy của mình để tạo ra cho mình một thể dạng tâm thần thanh thoát, an bình và phẳng lặng).

«Vậy kết quả mang lại từ giác cảm là gì? [Đây là trường hợp của] một người cảm nhận được giác cảm liên quan đến một thể dạng hiện hữu hoặc xứng-đáng (đáng kính, đạo đức) hoặc không-xứng-đáng (tồi tệ, thiếu đạo đức). Đây là kết quả mang lại từ giác cảm.

«Vậy sự chấm dứt của giác cảm là gì? Sự chấm dứt của sự tiếp xúc đưa đến sự chấm dứt của giác cảm; và chỉ cần đến phép tu tập gồm tám điều cao quý (bát chánh đạo) – quan điểm đúng, quyết tâm đúng, ngôn từ đúng, hành động đúng, phương tiện sinh sống đúng, cố gắng đúng, suy nghĩ đúng (mindfulness / chánh niệm), tập trung tâm thần đúng (concentration / chánh định) – thì cũng đủ đưa đến sự chấm dứt của giác cảm (tạo được cho mình một cuộc sống thanh thản, thoát khỏi các miếng mồi trong thế giới).

«Khi nào người đệ tử của các vị cao quý nhận định giác cảm đúng theo phương cách (cung cách) đó, nhận định nguyên nhân làm phát sinh ra giác cảm đúng theo phương cách đó, sự đa dạng của giác cảm đúng theo phương cách đó, hậu quả tạo ra bởi giác cảm đúng theo phương cách đó, sự chấm dứt của giác cảm đúng theo phương cách đó và con đường tu tập đưa đến sự chấm dứt giác cảm đúng theo phương cách đó, thì người đệ tử ấy sẽ thấu triệt được thể dạng sâu xa nói đến trên đây trong suốt cuộc đời mình.

«‘Phải hiểu được giác cảm là gì. Phải hiểu được nguyên nhân đưa đến giác cảm là gì. Phải hiểu được sự đa dạng của giác cảm là gì. Phải hiểu được hậu quả của giác cảm là gì. Phải hiểu được con đường tu tập đưa đến sự chấm dứt giác

cảm là gì'. Đây là những lời đã được nêu lên, và vì [ý nghĩa hàm chứa trong] những lời nói ấy mà [ta] đã phải nói lên những lời nói ấy.

Sự cảm nhận

«Phải hiểu được **sự cảm nhận** (*perception / sự nhận biết*) là gì. Phải hiểu được nguyên nhân đưa đến sự cảm nhận là gì. Phải hiểu được sự đa dạng của sự cảm nhận là gì. Phải hiểu được hậu quả mang lại từ sự cảm nhận là gì. Phải hiểu được con đường tu tập đưa đến sự chấm dứt của sự cảm nhận là gì. Đây là những lời đã được nêu lên, và những lời ấy là để nêu lên điều gì?

«Có sáu thể loại cảm nhận: cảm nhận hình tướng, cảm nhận âm thanh, cảm nhận mùi, cảm nhận vị, cảm nhận về sự đụng chạm trên da thịt (*xúc giác*) cảm nhận các ý nghĩ (*trong tâm thần*).

«Vậy nguyên nhân nào đưa đến sự cảm nhận? **Sự tiếp xúc** là nguyên nhân đưa đến sự cảm nhận.

«Vậy sự đa dạng của sự cảm nhận là gì? Sự cảm nhận liên quan đến hình tướng là một thứ, sự cảm nhận liên quan đến âm thanh là một thứ khác, sự cảm nhận liên quan đến mùi là một thứ khác, sự cảm nhận liên quan đến vị là một thứ khác, sự cảm nhận liên quan đến sự đụng chạm trên da thịt là một thứ khác, sự cảm nhận liên quan đến các ý nghĩ [trong tâm thần] là một thứ khác. Đây gọi là sự đa dạng của sự cảm nhận.

«Vậy hậu quả mang lại từ sự cảm nhận là gì? Ta khẳng định với các tỷ-kheo rằng sự diễn đạt (*expression / sự biểu hiện, biểu đạt*) phát sinh từ sự cảm nhận như là hậu quả của nó. Chẳng hạn khi một người nhận biết về một cái gì đó thì người ấy nói lên: 'Tôi có một sự cảm nhận như thế ấy. Đây gọi là hậu quả phát sinh từ sự cảm nhận.

«Vậy sự chấm dứt của sự cảm nhận là gì? Sự chấm dứt của sự tiếp xúc đưa đến sự chấm dứt của sự cảm nhận; và chỉ cần đến phép tu tập gồm tám điều cao quý (*bát chánh đạo*) – quan điểm đúng, quyết tâm đúng, ngôn từ đúng, hành động đúng, phương tiện sinh sống đúng, cố gắng đúng, suy nghĩ đúng, tập trung tâm thần đúng – thì cũng đủ đưa đến sự chấm dứt của sự cảm nhận.

«Khi nào người đệ tử của các vị cao quý nhận định sự cảm nhận đúng theo phương cách đó, nhận định nguyên nhân làm phát sinh ra sự cảm nhận đúng theo phương cách đó, sự đa dạng của cảm nhận đúng theo phương cách đó, hậu quả tạo ra bởi sự cảm nhận đúng theo phương cách đó, sự chấm dứt của sự cảm nhận đúng theo phương cách đó, và con đường tu tập đưa đến sự chấm dứt của sự cảm nhận đó đúng theo phương cách đó, thì người đệ tử ấy sẽ thấu triệt được thể dạng sâu xa nói đến trên đây trong suốt cuộc đời mình.

«‘Phải hiểu được sự cảm nhận là gì. Phải hiểu được nguyên nhân làm phát sinh ra sự cảm nhận là gì. Phải hiểu được sự đa dạng của sự cảm nhận là gì. Phải hiểu được hậu quả mang lại từ sự cảm nhận là gì. Phải hiểu được sự chấm dứt của sự cảm nhận là gì. Phải hiểu được con đường đưa đến sự chấm dứt của sự cảm nhận là gì’. Đây là những lời đã được nêu lên, và cũng vì [ý nghĩa hàm chứa trong] những lời nói ấy mà [ta] đã phải nói những lời nói ấy (câu này là cách Đức Phật vừa lặp lại và vừa nhấn mạnh với các tỳ-kheo đang ngồi nghe là phải thấu triệt được các thành phần trong chuỗi diễn tiến mang tính cách lôi cuốn và níu kéo, bắt đầu từ sự hiển hiện của dục tính đưa đến sự chấm dứt của dục tính).

Sự phát tán

«‘Phải hiểu được sự **phát tán** (*effluent* / sự biến dạng và phân tán đưa đến nhiều thể dạng khác nhau) là gì. Phải hiểu được nguyên nhân đưa đến sự phát tán là gì. Phải hiểu được sự đa dạng của sự phát tán là gì. Phải hiểu được hậu quả mang lại từ sự phát tán là gì. Phải hiểu được sự chấm dứt của sự phát tán là gì. Phải hiểu được con đường đưa đến sự chấm dứt của sự phát tán là gì’. Đây là những lời đã được nêu lên. Vậy những lời ấy là để nêu lên điều gì?’

«Có ba thể loại phát tán: phát tán trong lãnh vực dục tính, phát tán trong lãnh vực hình thành (*becoming* / trở thành, tạo thành), phát tán trong lãnh vực u mê (*ignorance* / vô minh).

«Vậy nguyên nhân nào khiến tạo ra sự phát tán? Sự u mê (*vô minh*) là nguyên nhân làm phát sinh ra sự phát tán (khi cảm nhận được một hiện tượng nào đó thì tâm thức u mê của mình sẽ dựa vào đó để làm bùng ra – ‘phát tán’ ra – các sự diễn đạt, các tác ý, các sự suy diễn, các sự tưởng tượng..., hoặc các hình thức xúc cảm đủ loại, tạo ra các hiện tượng khác).

«Vậy sự đa dạng của sự phát tán là gì? Có những sự phát tán khiến rơi vào cõi địa ngục, có những sự phát tán khiến chui vào tử cung của một con thú, có

những sự phát tán đưa vào cõi quỷ đói, có những sự phát tán đưa vào cõi con người, có những sự phát tán đưa vào cõi thiên nhân. Đây gọi là sự đa dạng của sự phát tán.

«Vây hậu quả của sự phát tán là gì? [Đây là trường hợp] một người đắm mình trong u mê, tạo ra cho mình một thể dạng hiện hữu liên quan đến sự u mê ấy [của mình], [dù là mang tính cách] đạo-đức hay phi-đạo-đức. Đây gọi là hậu quả của sự phát tán.

«Vây sự chấm dứt của sự phát tán là gì? Sự chấm dứt của u mê đưa đến sự chấm dứt của sự phát tán; và chỉ cần đến phép tu tập gồm tám điều cao quý (*bát chánh đạo*) – quan điểm đúng, quyết tâm đúng, ngôn từ đúng, hành động đúng, phương tiện sinh sống đúng, cố gắng đúng, suy nghĩ đúng, tập trung tâm thần đúng – thì cũng đủ đưa đến sự chấm dứt của sự phát tán.

«Khi nào người đệ tử của các vị cao quý nhận định được sự phát tán đúng theo phương cách đó (*tức là phép tu tập gồm tám điều cao quý / bát chánh đạo*), nhận định được nguyên nhân làm phát sinh ra dục tính đúng theo phương cách đó, sự đa dạng của dục tính đúng theo phương cách đó, hậu quả tạo ra bởi dục tính đúng theo phương cách đó, sự chấm dứt của dục tính đúng theo phương cách đó, và phép tu tập đưa đến sự chấm dứt dục tính đúng theo phương cách đó, thì người đệ tử ấy sẽ thấu triệt được thể dạng sâu xa nói đến trên đây trong sự chấm dứt của các sự phát tán trong suốt cuộc đời mình.

«‘Phải hiểu được sự phát tán là gì. Phải hiểu được nguyên nhân của sự phát tán là gì. Phải hiểu được hậu quả của sự phát tán là gì. Phải hiểu được sự chấm dứt của các sự phát tán là gì. Phải hiểu được con đường đưa đến sự chấm dứt của sự phát tán là gì’. Đây là những lời đã được nêu lên, và cũng vì [ý nghĩa hàm chứa trong] những lời nói ấy mà [ta] đã phải nói lên những lời nói ấy.

Kamma

«Phải hiểu được kamma là gì (*kinh sách Hán ngữ dịch chữ kamma là ‘nghệp’ (業), trong các ngôn ngữ Tây phương thì chữ này thường được dịch là ‘hành động’ / ‘action’, thế nhưng các cách dịch này – nghiệp hay hành động – chỉ là các chữ tạm dịch, bởi vì chữ kamma trong tiếng Pali – karma trong tiếng Phạn – mang ý nghĩa rất rộng, gồm: hành động và cử chỉ trên thân xác, ngôn từ qua lời ăn tiếng nói, cùng các tác ý, các ý nghĩ, các sự hình dung, tưởng tượng,*

các sự tạo dựng kể cả các xúc cảm trong tâm thần..., do vậy thuật ngữ kamma không có từ nào tương đương trong các ngôn ngữ ngày nay). Phải hiểu được nguyên nhân làm phát sinh ra kamma là gì. Phải hiểu được hậu quả tạo ra bởi kamma là gì. Phải hiểu được sự chấm dứt của kamma là gì. Phải hiểu được con đường tu tập đưa đến sự chấm dứt kamma là gì'. Đây là những lời đã được nêu lên. Vậy những lời ấy là để nêu lên điều gì?

«Ta bảo với các tỳ-kheo rằng ý định (intention / các tác ý, các sự chủ tâm, cố tình) chính là kamma, [chẳng hạn] như một người nào đó tạo ra kamma trên thân xác, qua ngôn từ và trong tâm thần mình (tạo ra một sự ý thức, cố tình và chủ tâm qua các hành động trên thân xác, qua ngôn từ và trong tâm thần).

«Vậy nguyên nhân nào khiến tạo ra kamma? Sự tiếp xúc (giữa lục giác và các đối tượng cảm nhận của lục giác) là nguyên nhân tạo ra kamma.

«Vậy sự đa dạng của kamma là gì? Đây là kamma cảm nhận (nhận biết) nơi cõi địa ngục, là kamma cảm nhận trong cảnh giới súc sinh (hàng thú vật), là kamma cảm nhận trong cõi quỷ đói, là kamma cảm nhận trong thế giới con người, là kamma cảm nhận trong thế giới thiên nhân. Đây gọi là sự đa dạng của kamma (kamma có thể là những gì đón đau trong các cõi địa ngục, súc sinh, quỷ đói, nhưng đôi khi cũng có thể nhẹ nhõm hơn trong thế giới con người hoặc hạnh phúc hơn trong cõi thiên nhân).

«Vậy hậu quả (kết quả, các tác động) tạo ra bởi kamma là gì? Hậu quả tạo ra bởi kamma gồm có ba thứ, và ta cũng nói lên để các tỳ-kheo hiểu rằng cả ba thứ ấy [có thể] xảy ra tại nơi này và ngay trong giây phút này, hoặc muộn hơn [trong vòng kiếp sống hiện tại này], hoặc cũng có thể [là xa hơn nữa], sau cả kiếp sống hiện tại này. Đây gọi là hậu quả của kamma.

«Vậy sự chấm dứt của kamma là gì? Sự chấm dứt của sự tiếp xúc sẽ đưa đến sự chấm dứt của kamma; và chỉ cần đến phép tu tập gồm tám điều cao quý – quan điểm đúng, quyết tâm đúng, ngôn từ đúng, hành động đúng, phương tiện sinh sống đúng, cố gắng đúng, suy nghĩ đúng, tập trung tâm thần đúng – thì cũng đủ đưa đến sự chấm dứt của kamma.

«Khi nào một người đệ tử của các vị cao quý nhận định được kamma đúng theo phương cách đó, nhận định được nguyên nhân làm phát sinh ra kamma đúng

theo phương cách đó, nhận định được hậu quả tạo ra bởi kamma đúng theo phương cách đó, sự chấm dứt của kamma đúng theo phương cách đó, thì người đệ tử ấy sẽ thấu triệt được sự sâu xa nói đến trên đây trong suốt cuộc đời mình.

«Phải hiểu được kamma là gì. Phải hiểu được nguyên nhân làm phát sinh ra kamma là gì. Phải hiểu được hậu quả tạo ra bởi kamma là gì. Phải hiểu được sự chấm dứt của kamma là gì. Phải hiểu được được con đường đưa đến sự chấm dứt của kamma là gì’. Đây là những lời đã được nêu lên, và cũng vì [ý nghĩa hàm chứa trong những lời nói ấy] mà [ta] đã phải nói lên những lời nói ấy.

Khổ đau

«Phải hiểu được **khổ đau** là gì. Phải hiểu được nguyên nhân mang lại khổ đau là gì. Phải hiểu được sự chấm dứt của khổ đau là gì. Phải hiểu được con đường tu tập đưa đến sự chấm dứt của khổ đau là gì’. Đây là những lời đã được nêu lên. Vậy những lời ấy là để nêu lên điều gì?

«Sinh là khổ đau, già nua là khổ đau, chết là khổ đau; buồn phiền, ta thán, đón đau, khôn quẩn, tuyệt vọng là khổ đau; phải chịu đựng những gì mà mình không thích là khổ đau; phải xa lìa những gì mà mình yêu quý là khổ đau; không đạt được những gì mà mình mong muốn là khổ đau. Một các vấn đề là năm thứ cấu hợp (kinh sách Hán ngữ gọi là ngũ uẩn: thân xác / rūpa, giác cảm / vedanā, sự cảm nhận / sañña, các sự tạo tác tâm thần / saṅkhāra, tri thức / vijñānā) của sự bám víu đều là khổ đau.

«Vậy nguyên nhân làm phát sinh ra khổ đau là gì? Sự thèm khát là nguyên nhân làm phát sinh ra khổ đau.

«Vậy sự đa dạng của khổ đau là gì? Có những thứ khổ đau trọng đại và thứ yếu, có những thứ khổ đau dai dẳng hoặc chóng quên. Đây gọi là sự đa dạng của khổ đau.

«Vậy hậu quả mang lại bởi khổ đau là gì? Đây là trường hợp một người bị tràn ngập bởi khổ đau, tinh thần kiệt quệ, đau buồn, thương tiếc, ta thán, dậm ngực, cảm thấy hoang mang. Người ấy bị các nỗi đón đau đè nặng, tinh thần trở nên yếu đuối, khiến người ấy hướng nhìn ra bên ngoài [để tìm một giải pháp]. ‘Có ai biết được một hoặc hai giải pháp [giúp tôi] làm cho khổ đau chấm dứt hay không?’ Đây các tỳ-kheo, ta nói cho các tỳ-kheo hiểu rằng các thứ khổ đau ấy sẽ

tạo ra sự hoang mang [trong tâm thần] hoặc đưa đến một sự mong cầu (*cầu xin, khẩn cầu, van vái*) nào đó. Đây gọi là hậu quả của khổ đau.

«Vậy sự chấm dứt của khổ đau là gì? Sự chấm dứt của sự thèm khát sẽ mang lại sự chấm dứt của khổ đau; và cũng chỉ cần đến phép tu tập gồm tám điều cao quý – quan điểm đúng, quyết tâm đúng, ngôn từ đúng, hành động đúng, phương tiện sinh sống đúng, cố gắng đúng, suy nghĩ đúng, tập trung tâm thần đúng – thì cũng đủ đưa đến sự chấm dứt của khổ đau.

«Vậy khi nào một người đệ tử của các vị cao quý nhận định được khổ đau đúng theo phương cách đó, nhận định được nguyên nhân của khổ đau đúng theo phương cách đó, nhận định được hậu quả của khổ đau đúng theo phương cách đó, và con đường tu tập đưa đến sự chấm dứt của khổ đau đúng theo phương cách đó, thì người đệ tử ấy sẽ thấu triệt được sự sâu xa nói đến trên đây trong suốt cuộc đời mình.

«‘Phải hiểu được khổ đau là gì. Phải hiểu được nguyên nhân làm phát sinh ra khổ đau là gì. Phải hiểu được sự đa dạng của khổ đau là gì. Phải hiểu được hậu quả của khổ đau là gì. Phải hiểu được sự chấm dứt của khổ đau là gì. Phải hiểu được con đường tu tập mang lại sự chấm dứt của khổ đau là gì’. Đây là những lời đã được nêu lên, và cũng vì [ý nghĩa hàm chứa trong] những lời nói ấy mà [ta] đã phải nói lên những lời nói ấy.

«Sự giải thích sâu sắc trên đây là sự giải thích trong Dhamma (*Đạo Pháp*)».

Vài lời ghi chú

Bài giảng trên đây nêu lên một chuỗi dài liên kết và níu kéo : bắt đầu từ dục tính chấm dứt bởi khổ đau:

- 1- Từ dục tính đưa đến sự tiếp xúc.
- 2- Từ sự tiếp xúc đưa đến giác cảm.
- 3- Từ giác cảm đưa đến sự cảm nhận.
- 4- Từ sự cảm nhận đưa đến sự phát tán.
- 5- Từ sự phát tán đưa đến kamma (*nghiệp*).
- 6- Từ kamma đưa đến khổ đau.

Thế nhưng trên thực tế, một số người có thể nghĩ rằng mối dây tương liên tương tác và tương tạo đó của dục tính không hẳn đưa đến khổ đau, mà là cội nguồn của lạc thú: nào là tình yêu, hạnh phúc lứa đôi, sự thỏa mãn đối với các nhu cầu trong sự hiện hữu của mình. Họ không hề nghĩ rằng dục tính là cội nguồn sâu xa nhất mang lại khổ đau. Và đây cũng chính là những lời cảnh giác của Đức Phật nêu lên trong phần mở đầu của bài giảng :

Phải hiểu được dục tính là gì. Phải hiểu được nguyên nhân làm phát sinh ra dục tính là gì. Phải hiểu được sự đa dạng của dục tính là gì. Phải hiểu được hậu quả mang lại bởi dục tính là gì. Phải hiểu được sự chấm dứt của dục tính là gì. Phải hiểu được con đường tu tập đưa đến sự chấm dứt của dục tính là gì.

Thế nhưng chúng ta thì lại không hiểu gì cả về các thứ ấy, chúng ta chỉ trông thấy dục tính dưới hình thức tình yêu lứa đôi, sự thỏa mãn của lục giác, hạnh phúc gia đình. Chúng ta không trông thấy được – hiểu được một cách sâu sắc – nguồn gốc của dục tính là gì, giác cảm là gì, sự cảm nhận là gì, sự phát tán là gì, kamma là gì, khổ đau là gì, sự chấm dứt của dục tính là gì.

Bài giảng cho biết dục tính hiện lên sự tiếp xúc của lục giác, sau đó từ sự tiếp xúc của lục giác hiện lên các giác cảm, từ các giác cảm hiện lên sự cảm nhận, từ sự cảm nhận hiện lên các sự diễn đạt: bóng dáng xinh đẹp, âm giọng dịu dàng, mùi thơm của da thịt, sự đậm đà của đôi môi, sự đụng chạm êm ái trên thân thể, sự quyến luyến trong tâm thần, hoặc cũng có thể là ngược lại: bóng dáng cục mịch, âm giọng chói tai, mùi hôi của da thịt, v.v. Các sự cảm nhận và diễn đạt đó liên hệ với quá khứ của một cá thể và sẽ tiếp tục tạo ra các ảnh hưởng khác tác động đến tương lai của cá thể ấy. Sự vận hành của nguyên lý tương liên tương tác phức tạp là như vậy. Trong khi đó, tiếc thay chúng ta đôi khi chỉ trông thấy các khía cạnh tích cực của dục tính mà thôi.

Đối với các khía cạnh tiêu cực thì chúng ta tìm cách biến đổi, cải thiện, chuyển hướng, dấu diếm bằng đủ mọi cách: nào là phấn son, nước hoa, quần áo, thể dục cải thiện thân thể, giải phẫu thẩm mỹ, các thứ phụ tùng trên người... Các sinh hoạt đó và cố gắng đó đưa đến sự phát tán: nào là yêu thương, say đắm, khoe khoang, nói dối, phô trương, dấu diếm..., nào là hần học, cay cú, phụ bạc, phản bội, mặc cảm, ly dị, thất tình, tự tử... Đây là sự ‘bất lợi’ của dục tính, và sự ‘bất lợi’ ấy là cả một khối khổ đau thật to lớn, trói buộc sự hiện hữu của con người

vào sự chuyển động triền miên của thế giới hiện tượng, chi phối bởi nguyên lý tương liên tương tác và tương tạo.

Thế nhưng **Dhamma** của Đức Phật cũng trở cho chúng ta trông thấy con đường vượt thoát sự vận hành tương tác và tương tạo đó của thế giới hiện tượng. Con đường đó gồm có tám điều đúng đắn: quan điểm đúng, quyết tâm đúng, ngôn từ đúng, hành động đúng, phương tiện sinh sống đúng, cố gắng đúng, suy nghĩ đúng, tập trung tâm thần đúng. Và đây cũng là một trong các ứng dụng sâu sắc, thiết thực và cụ thể của **Dhamma**.

Tiếp theo dưới đây là một bài giảng thứ hai liên quan đến vấn đề dục tính, mang tựa là *Niramisa Sutta* - SN 36.31. Quả vậy, nếu dục tính biểu trưng cho thú vui xác thịt thì cũng có các niềm vui khác không liên quan gì đến xác thịt, thế nhưng, và hơn thế nữa cũng có những niềm vui khác trong sáng, thanh thoát và siêu việt hơn cả niềm vui không xác thịt.

Bài giảng về sự vượt thoát xác thịt

Niramisa Sutta - SN 36.31

Chữ *niramisa* nơi tựa của bài giảng có nghĩa là ‘không liên quan gì đến xác thịt’ (having no meat), nghĩa bóng là ‘thoát ra khỏi các sự thèm khát dục tính’ (free from sensual desires):

«Này các tỳ-kheo, có một ‘sự **vui sướng** (*rapture / vui thích, khoái lạc*) liên quan đến [lãnh vực] xác-thịt’, có một sự vui sướng ‘không liên quan gì đến xác thịt’, và cũng có một sự vui sướng cao hơn cả ‘sự vui sướng không liên quan gì đến xác thịt’. Có một ‘sự **thích thú** (*pleasure / thú vui, lạc thú*) liên quan đến xác thịt’, có một ‘sự thích thú không liên quan gì đến xác thịt’, và cũng có một sự thích thú cao hơn cả ‘sự thích thú không liên quan gì đến xác thịt’. Có một ‘sự **bình lặng** (*equanimity / thanh thản, phẳng lặng, thăng bằng, an vui*) liên quan đến xác thịt’, có một ‘sự bình lặng không liên quan gì đến xác thịt’, và cũng có một sự bình lặng cao hơn cả ‘sự bình lặng không liên quan gì đến xác thịt’. Có một ‘sự **giải thoát** (*liberation / cõi trời, tỉnh ngộ*) liên quan đến xác thịt’, có một ‘sự giải thoát không liên quan gì đến xác thịt’, và cũng có một sự giải thoát cao hơn cả ‘sự giải thoát không liên quan gì đến xác thịt’ (*tóm lại là có bốn thể dạng tâm thần từ thấp đến thật cao: 1- vui sướng, 2- thích thú, 3- bình lặng và 4- giải*

thoát. Đồng thời trong mỗi thể dạng đó cũng có ba cấp bậc khác nhau, từ thấp đến cao: ‘xác thật’, ‘không xác thật’, cao hơn cả ‘không xác thật’).

«Vậy sự vui sướng (rapture) liên quan đến xác thật là gì? Có năm mối dây trói buộc (năm nút thắt nối kết) của dục tính. Năm mối dây trói buộc ấy là gì? Hình-tướng nhận biết bởi mắt, [mang tính cách] dịu dàng, thích thú, khả ái, lôi cuốn, hấp dẫn, gợi lên sự thèm khát [dục tính]. Âm-thanh nhận biết bởi tai [...] (lặp lại như trên đây nhưng đã được cắt bớt nhằm tránh sự dài dòng). Mùi nhận biết bởi mũi [...]. Vị nhận biết bởi lưỡi [...]. Sự đụng chạm trên da thịt nhận biết bởi thân thể, [mang tính cách] dễ thương, thích thú, khả ái, lôi cuốn, hấp dẫn, gợi lên sự thèm khát [dục tính]. Tóm lại, bất cứ một sự vui sướng nào phát sinh bằng cách lệ thuộc vào năm mối dây trói buộc của dục tính (tạo ra một chuỗi nối kết trong nguyên lý tương liên / lý duyên khởi) đều được gọi là sự vui sướng liên quan đến xác thật.

«Vậy ‘sự vui sướng (rapture) không liên quan gì đến xác thật’ là gì? Đây là trường hợp một người tỳ-kheo – hoàn toàn rút ra khỏi mọi sự thích thú dục tính, rút ra khỏi các phẩm tính kém lành mạnh – hòa nhập vào thể dạng **jhāna** (thiền na) **thứ nhất**: [và trong thể dạng tâm thức đó] sự vui sướng và sự thích thú sẽ hiện lên [với người tỳ-kheo] qua sự rút lui đó, kèm với các tư duy được hướng dẫn (các sự suy nghĩ hướng vào một đối tượng nào đó) cùng các sự thẩm định (các sự suy nghĩ liên quan đến một sự đánh giá hay suy xét nào đó).

Và [sau đó] từ sự lắng xuống của các tư duy được hướng dẫn cùng các sự thẩm định trên đây, người tỳ-kheo sẽ hòa nhập và an trú trong thể dạng **jhāna** **thứ hai**: [và trong thể dạng tâm thức này] sự vui sướng và thích thú phát sinh từ sự điềm tĩnh (composure / sự trầm tĩnh, sự chủ động, sự yên lặng) và sự hợp nhất của tri thức – sau khi đã loại bỏ được các tư duy được hướng dẫn và các sự thẩm định (các sự suy nghĩ và suy diễn) – người tỳ-kheo sẽ tạo được sự vững vàng trong nội tâm mình. Đây gọi là ‘sự vui sướng không liên quan gì đến xác thật’.

«Vậy ‘sự vui sướng (rapture) không liên quan gì đến xác thật’ cao hơn cả ‘sự vui sướng không liên quan gì đến xác thật’ là gì? Dù là bất cứ một sự vui sướng nào hiện lên với người tỳ-kheo sau khi mọi sự ô nhiễm (mọi sự suy diễn và phát tán của tư duy) đã chấm dứt, phản ánh một tâm thức [trong sáng] thoát khỏi mọi sự đắm mê, thoát khỏi mọi sự ghét bỏ, thoát khỏi mọi ảo giác, thì ‘sự vui

sướng không liên quan gì đến xác thịt' ấy sẽ được xem là sự vui sướng **cao hơn** cả 'sự vui sướng không liên quan gì đến xác thịt'.

«Vậy 'sự thích thú (**pleasure / vui thú, lạc thú**) liên quan đến xác thịt' là gì? Có năm mối dây trói buộc (**năm khoen hay năm nút thắt nổi kết**) của dục tính. Vậy năm mối dây trói buộc ấy là gì? Hình tướng nhận biết bởi mắt, mang [tính cách] dịu dàng, thích thú, khả ái, lôi cuốn, hấp dẫn, gợi lên sự thèm khát [dục tính]. Âm thanh nhận biết bởi tai [...]. Mùi nhận biết bởi mũi [...]. Vị nhận biết bởi lưỡi [...]. Sự đụng chạm trên da thịt nhận biết bởi thân thể, [mang tính cách] dịu dàng, thích thú, khả ái, lôi cuốn, hấp dẫn, gợi lên sự thèm khát [dục tính]. Tóm lại, bất cứ một sự thích thú nào phát sinh bằng cách lệ thuộc vào năm mối dây trói buộc của dục tính đều gọi là sự thích thú liên quan đến xác thịt.

«Vậy 'sự thích thú (**pleasure / vui thú, lạc thú**) không liên quan đến xác thịt' là gì? Đây là trường hợp một người tỳ-kheo – hoàn toàn rút ra khỏi mọi sự thích thú dục tính, rút ra khỏi các phẩm tính kém lành mạnh – hòa nhập vào thể dạng **jhāna thứ nhất**: và từ sự rút lui đó, sự vui sướng (rapture) và thích thú (pleasure) sẽ hiện lên [với người tỳ-kheo], kèm với các tư duy được hướng dẫn cùng các sự thẩm định (**trong jhāna thứ nhất, người tỳ-kheo vẫn còn tiếp tục hình dung và diễn đạt**).

«Và [tiếp theo sau đó] từ sự lắng xuống của các tư duy được hướng dẫn và các sự thẩm định trên đây người tỳ-kheo sẽ hòa nhập và an trú trong thể dạng **jhāna thứ hai**: và từ sự lắng xuống đó của các tư duy được hướng dẫn và các sự thẩm định, sẽ hiện lên [với người tỳ-kheo] sự vui sướng và thích thú cùng sự vững vàng (**abiding / sự thăng bằng**) trong nội tâm (**của người tỳ-kheo**).

Và [tiếp theo sau đó] nhờ vào sự phai nhạt (**tan biến**) của sự thích thú, người tỳ-kheo sẽ tạo được cho mình sự bình lặng (**equanimity / sự thanh thản, sự thăng bằng của tâm thức**) và sự tập trung tâm thần (**mindfulness / chánh niệm, tức là thể dạng tâm thức trong sáng và cảnh giác hướng vào thực tại**) người tỳ-kheo cảm nhận được sự thích thú trên thân xác. Và người tỳ-kheo hòa nhập và an trú bên trong thể dạng **jhāna thứ ba**: và người tỳ-kheo cảm nhận được sự vững vàng (abiding) bên trong nội tâm mình, và các vị cao quý có thể bảo rằng: 'người tỳ-kheo đã thực hiện được sự bình lặng (equanimity), sự tập trung tâm thần (mindfulness / chánh niệm) và sự tỉnh giác (**alert / sự tỉnh táo, sự chú tâm cảnh**

giác), mang lại cho mình một sự thích thú vững vàng. Đây gọi là sự thích thú (pleasure / lạc thú) không liên quan gì đến xác thịt.

«Vậy ‘sự thích thú (pleasure) không liên quan gì đến xác thịt’ **cao hơn** cả ‘sự thích thú không liên quan gì đến xác thịt’ là gì? Dù bất cứ một sự thích thú nào hiện lên với người tỳ-kheo sau khi mọi sự ô nhiễm đã chấm dứt, phản ánh một tâm thức [trong sáng] thoát khỏi mọi sự đam mê, thoát khỏi mọi sự ghét bỏ, thoát khỏi mọi ảo giác, thì sự ‘thích thú không liên quan gì đến xác thịt’ ấy được gọi là sự thích thú **cao hơn** cả ‘sự thích thú không liên quan gì đến xác thịt’.

«Vậy sự bình lặng (equanimity / sự thanh thản, sự thăng bằng) liên quan đến xác thịt là gì? Có năm mối dây trói buộc của dục tính. Vậy năm mối dây ấy là gì? Hình tướng nhận biết bởi mắt, [mang tính cách] dịu dàng, thích thú, khả ái, lôi cuốn, hấp dẫn, gợi lên sự thèm khát [dục tính]. Âm thanh nhận biết bởi tai [...]. Mùi nhận biết bởi mũi [...]. Vị nhận biết bởi lưỡi [...]. Sự đụng chạm trên da thịt nhận biết bởi thân thể, [mang tính cách] dịu dàng, thích thú, khả ái, lôi cuốn, hấp dẫn, gợi lên sự thèm khát [dục tính]. Tóm lại, bất cứ một sự bình lặng (thanh thản) nào phát sinh bằng cách lệ thuộc vào năm mối dây trói buộc (nguyên lý tương liên) của dục tình đều được gọi là ‘sự bình lặng liên quan đến xác thịt’.

«Vậy ‘sự bình lặng không liên quan đến xác thịt’ là gì? Đây là trường hợp một người tỳ-kheo sau khi loại bỏ được sự thích thú và cả khổ đau – tương tự như trước đây sau khi sự phấn khởi (elation) và cả khốn quẫn (distress / khổ đau) chấm dứt – hòa nhập và an trú trong thể dạng **jhāna thứ tư**: mang lại cho mình sự bình lặng [tâm thần]: ‘không-vui-sướng cũng không-đớn-đau’. Đây là những gì gọi là ‘sự bình lặng không liên quan gì đến xác thịt’.

«Vậy ‘sự bình lặng không liên quan gì đến xác thịt’ **cao hơn** cả ‘sự bình lặng không liên quan gì đến xác thịt’ là gì? Dù là bất cứ một sự bình lặng nào hiển hiện lên với người tỳ-kheo sau khi đã loại bỏ được mọi sự ô nhiễm tâm thần – phản ánh một tâm thức thoát khỏi đam mê, thoát khỏi mọi sự ghét bỏ, thoát khỏi mọi ảo giác – thì đây gọi là ‘sự bình lặng không liên quan đến xác thịt’ **cao hơn** cả ‘sự bình lặng không liên quan đến xác thịt’.

«Vậy sự **giải thoát** xác thịt là gì? Sự giải thoát liên quan đến hình tướng là sự giải thoát xác thịt. Vậy sự giải thoát phi-hình-tướng (thuộc lãnh vực tâm thần)

là gì? Sự giải thoát phi-hình-tướng (*thuộc lãnh vực tâm thần*) là sự giải thoát không liên quan đến xác thịt.

«Vây ‘sự giải thoát không liên quan đến xác thịt’ cao hơn cả ‘sự giải thoát không liên quan đến xác thịt’ là gì? Dù là bất cứ sự giải thoát nào hiển hiện lên với người tỳ-kheo sau khi đã loại bỏ được mọi sự ô nhiễm tâm thần – phản ảnh một tâm thức thoát khỏi đam mê, thoát khỏi mọi sự ghét bỏ, thoát khỏi mọi ảo giác – thì đấy gọi là ‘sự giải thoát không liên quan đến xác thịt’ **cao hơn** cả ‘sự giải thoát không liên quan đến xác thịt’».

Vài lời ghi chú

Đối với một người tu tập thì các sự vui sướng, thích thú, bình lặng và giải thoát không có gì là xác thịt cả. Khi đã thoát ra khỏi năm mối dây trói buộc của dục tính: hình tướng dục tính, âm thanh dục tính, mùi dục tính, vị dục tính, sự cọ sát dục tính, thì người tu tập sẽ mở ra cho mình một bầu không gian phi-vật-chất, thanh thản và an vui. Thế nhưng nếu người tu tập tiếp tục ngồi xuống để lắng sâu hơn nữa vào bên trong tâm thức mình, thì sẽ khám phá ra một thể dạng tâm thần bình lặng, sâu xa và trong sáng, vượt lên trên cả bầu không gian phi-vật-chất của những người đã thoát ra khỏi năm mối dây trói buộc của dục tính. Tiếp theo dưới đây là hai bài giảng trích dẫn thứ ba và thứ tư.

Hai bài giảng này rất ngắn thuộc chung trong một chương mục mang tên là Udāna / Vô Văn Tự Thuyết, mang cùng một tựa là *Kāmesu Satta Sutta* nhưng được đánh số khác nhau: Ud 7.3 và Ud 7.4. Chương mục Udāna nằm trong tập bài giảng Khuddaka Nikāya / Tiểu Bộ Kinh. Khuddhaka Nikāya hay Tiểu Bộ Kinh là tập thứ năm trong số năm tập bài giảng trong Sutta Pitaka / Kinh tạng. Tập bài giảng Khuddaka Nikāya gộp chung các bài giảng ngắn và thứ yếu, xuất hiện vào các thời kỳ khác nhau, một số có nguồn gốc rất xưa, trước triều đại của vua Azoka (A-dục), ngược về cả thời đại của Đức Phật, một số khác xuất hiện muộn hơn. Tùy theo phiên bản, tập Khuddhaka Nikāya gồm có mười-lăm hoặc mười-chín chương mục. Hai trong số các chương mục này được nhiều người biết đến nhất là *Dhammapada* (Kinh Pháp Cú) và *Jātaka* (Bản Sanh Kinh). Hai bài giảng trích dẫn dưới đây thuộc vào một chương mục mang tựa là *Udāna* (Phật tự thuyết kinh). Nói chung các bài giảng có thể là một bài thơ, hoặc được kèm thêm một vài tiết thơ nhằm nhấn mạnh ý nghĩa của bài giảng. Ngoài ra cũng xin nêu

lên một chi tiết nhỏ là giai thoại về ‘Sáu người mù sờ voi’ được nhiều người biết là một bài giảng trong chương mục này. Bài giảng trích dẫn thứ nhất như sau:

Bài giảng về sự đam mê dục tính của các chúng sinh (Bài 1)

Kāmesu Satta Sutta - Ud 7.3

Chữ *kāmesu* nơi tựa bài giảng có nguồn gốc từ chữ *kāma*, và chữ này thì có nghĩa là thú vui dục tính, nhưng cũng có nghĩa là thèm khát, bám víu, và chữ *satta* thì có nghĩa là chúng sinh.

Tôi từng được nghe như vậy, hôm đó Đấng Thế Tôn đang ngụ gần kinh thành Sāvattthī, nơi khu rừng thưa Jeta (Kỳ Viên), tại tịnh xá của vị Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Vào thời bấy giờ dân chúng nơi kinh thành Sāvattthī có một cuộc sống bám víu quá đáng vào các thú vui dục tính, một cuộc sống đầy đam mê, đòi hỏi, lệ thuộc, vướng mắc, đắm mình trong các thú vui dục tính. Vào lúc tinh sương, một nhóm đông tỳ-kheo mặc áo, khoác thêm áo ngoài, ôm bình bát đi vào kinh thành Sāvattthī khát thực. Sau khi khát thực và ăn xong thì họ quay về tìm Đấng Thế Tôn. Khi gặp Ngài thì họ vái chào và ngồi sang một bên. Sau khi an tọa thì họ cất lời với Đấng Thế Tôn như sau: «Hầu hết dân chúng nơi kinh thành Sāvattthī có một cuộc sống bám víu quá đáng vào các thú vui dục tính, một cuộc sống đầy đam mê, đòi hỏi, vướng mắc, đắm mình trong các thú vui dục tính».

Sau khi nghe nói như thế thì Đấng Thế Tôn phát biểu như sau:

*Những kẻ đắm mình trong các thú vui dục tính,
Vướng mắc vào các mối dây dục tính,
Không trông thấy được sự trừng phạt của chiếc gông cùm.
Trói mình vào sợi dây xích [của chiếc gông cùm],
Sẽ chẳng bao giờ vượt thoát được dòng nước lũ, hung hãn và mênh mông.*

Tiếp theo dưới đây là bài giảng thứ hai mang cùng tựa đề, và cũng được trích dẫn từ chương mục Udāna trong Khuddhaka Nikāya:

Bài giảng về sự đam mê dục tính của các chúng sinh (Bài 2)

Kāmesu Satta Sutta - Ud 7.4

Tôi từng được nghe như vậy, hôm đó Đấng Thế Tôn đang ngụ gần kinh thành Sāvatthī, nơi khu rừng thưa Jeta, tại tịnh xá của vị Anāthapiṇḍika. Vào thời bấy giờ dân chúng nơi kinh thành Sāvatthī có một cuộc sống bám víu quá đáng vào các thú vui dục tính, một cuộc sống đầy đam mê, đòi hỏi, lệ thuộc, vương mắc, đắm mình trong các thú vui dục tính. Vào lúc tinh sương, một nhóm đông tỳ-kheo mặc áo, khoác thêm áo ngoài, ôm bình bát đi vào kinh thành Sāvatthī khát thực. Sau khi khát thực và ăn xong thì họ quay về tìm Đấng Thế Tôn. Khi gặp Ngài thì họ vái chào và ngồi sang một bên. Sau khi an tọa thì họ cất lời với Đấng Thế Tôn như sau: «Hầu hết dân chúng nơi kinh thành Sāvatthī có một cuộc sống bám víu quá đáng vào các thú vui dục tính, một cuộc sống đầy đam mê, đòi hỏi, vương mắc, đắm mình trong các thú vui dục tính».

Sau khi nghe nói như thế thì Đấng Thế Tôn phát biểu như sau:

*[Những người] mù quáng vì dục tính,
Vương mắc trong mạng lưới [dục tính].
Mù mắt vì tấm màn thèm khát,
Tự trói mình trong vô tâm,
Thì nào có khác gì như con cá chui đầu vào rọ,
Họ chạy theo sự già nua và cái chết,
Tương tự như con bê tìm vú mẹ.*

Vài lời ghi chú

Hai bài giảng ngắn trích dẫn trên đây nêu lên các hình ảnh ẩn dụ cụ thể và dễ hiểu. Hơn nữa các câu giảng bằng văn vần cũng là một cách giúp dễ nhớ và dễ học thuộc lòng. Thế nhưng trong phần mở đầu của hai bài giảng các tỳ kheo khát thực có nêu lên một sự nhận xét khiến chúng ta không khỏi bàng hoàng :

«Hầu hết dân chúng nơi kinh thành Sāvatthī có một cuộc sống bám víu quá đáng vào các thú vui dục tính, một cuộc sống đầy đam mê, đòi hỏi, vương mắc, đắm mình trong các thú vui dục tính»

Ngày nay sau hai-mươi lăm thế kỷ, chúng ta sống trong một xã hội văn minh, và tiến bộ hơn nhiều, thế nhưng sự nhận xét trên đây dường như vẫn còn giá trị, nếu không muốn nói là còn tệ hại hơn như thế rất nhiều. Ngày nay sự tiến bộ

trong các lãnh vực xã hội, văn hóa, khoa học, kỹ thuật quả là vượt bậc, thế nhưng dường như bản chất con người thì cũng vậy, không khác gì mấy với những con người trong châu thổ sông Hằng cách nay hai-mươi-lăm thế kỷ. Nếu nhìn chung quanh chúng ta thì chúng ta không khỏi trông thấy nào là quần áo hở hang, phấn son lòe lẹt, nước hoa, trang sức; nào là múa hát, thi hoa hậu, trình diễn y phục, phô trương thân thể; nào là các hình ảnh phô trương và thu hút dục tính tràn ngập một số lớn các phương tiện truyền thông và các bích chương quảng cáo. Sự sinh hoạt thường nhật ngày nay trong lãnh vực dục tính quả không kém ồn ào và náo nhiệt. Tóm lại bản năng truyền giống là động lực thúc đẩy bên trong con người, do vậy không có gì thay đổi nhiều qua không gian và thời gian. Sự khác biệt nếu có là do các kamma mà mỗi cá thể tự tạo ra cho mình trong quá khứ.

Vào thời đại của Đức Phật, người tu hành rút ra khỏi sự sinh hoạt xã hội, tách ra khỏi môi trường sống của người thế tục. Trái lại, ngày nay các cơ sở tôn giáo thường được xây dựng thật đồ sộ, lễ lạc được tổ chức cầu kỳ, nhằm chủ đích thuyết phục và thu hút người thế tục. Sự sinh hoạt tín ngưỡng do đó cũng có thể trở nên phức tạp hơn chăng?

Nói chung kinh điển Phật giáo rất cao siêu và khúc triết, mang các sắc thái triết học, kể cả khoa học và tâm lý học, thế nhưng đôi khi cũng có các bài giảng hoặc đơn giản và dễ hiểu, hoặc bóng bẩy và mang nhiều thi tính. Bài giảng trích dẫn thứ năm dưới đây là một bài thơ trong Sutta Nipāta / Kinh Tập (Sn), nằm trong tập Khuddaka Nikāya / Tiểu Bộ Kinh (KN), thuộc chung trong Saṃyutta Nikāya / Tương Ưng Bộ Kinh (SN), trong chương mục. Bài giảng này như sau:

Bài giảng về các lạc thú dục tính

Kāma Sutta Sn - 4.1

Chữ *kāma*, như đã được giải thích trên đây, có nghĩa là các thú vui dục tính.

*Một người phạm tục khi lẫn mình
Vào các thú vui dục tính,
Và đạt được các thứ ấy,
Thì sẽ cảm thấy vui mừng.*

*Thế nhưng người ấy chỉ là con mồi của lạc thú,
Tạo ra bởi sự thèm khát [lạc thú],
Khi lạc thú phai nhạt thì người ấy,
Không sao tránh khỏi đau đớn như bị trúng tên.*

*Một người tỉnh thức,
Biết lánh xa các thú vui dục tính,
Không dẫm chân lên đầu một con rắn,
Sẽ vượt thoát sự bám víu vào thế giới này.*

*Một người khi thèm khát
Ruộng đồng, đất đai, vàng bạc, trâu bò, ngựa xe,
Nô lệ, gia nhân, phụ nữ, gia đình,
Cùng các thú vui dục tính,*

*Thì một kẻ yếu đuối cũng có thể sai khiến được mình,
Nghịch cảnh sẽ nghiền nát mình,
Khổ đau sẽ đeo đuổi mình,
Tương tự nước tràn vào một con thuyền thùng đáy.*

*Vì thế một người luôn tỉnh thức,
Biết buông bỏ các thú vui dục tính, sẽ vượt thoát cơn lũ lụt,
Tương tự như con thuyền không bị nước tràn vào,
Đưa mình sang đến bến bờ bên kia.*

Vài lời ghi chú

Nếu vẫn thơ trong bài giảng trên đây gọi lên các hình ảnh ẩn dụ trực tiếp và dễ hiểu, thì bài giảng thứ sáu trích dẫn dưới đây khúc triết và sâu sắc hơn, nêu lên các hình ảnh thật mạnh, mở ra một tầm nhìn rộng lớn và bao quát hơn.

Bài giảng về khối khổ đau to lớn

Mahā Dukkha-kkhandha Sutta - MN 13

Chữ *mahā* nơi tựa bài giảng có nghĩa là to lớn, chữ *dukkha* có nghĩa là khổ đau, chữ *khanda* có nghĩa là một khối. Đây là bài giảng thứ 13 trong tập bài giảng

Majjhima Nikāya / Trung Bộ Kinh (viết tắt là MN), gộp chung 152 bài giảng mang chiều dài trung bình.

Tôi từng được nghe như vậy, vào dịp khi Đấng Thế Tôn ngụ gần kinh thành Sāvattthī, nơi khu rừng Jeta, trong tịnh xá của vị Anāthapiṇḍika. Một hôm, khi trời vừa sáng, một nhóm đông tỳ-kheo mặc áo, khoác thêm áo ngoài, ôm bình bát đi vào kinh thành Sāvattthī để khát thực. Ý nghĩ sau đây vụt hiện lên với họ: ‘Còn quá sớm để đi khát thực trong thành Sāvattthī. Thiết nghĩ chúng ta có nên đến viếng một nhóm người tu hành khát thực thuộc một giáo phái khác nơi khu rừng thưa của họ hay không?’

[Sau khi nghĩ thế], họ bèn cùng nhau đi về phía khu rừng thưa nơi tạm trú của nhóm người tu hành khát thực thuộc một giáo phái khác. Khi đến nơi thì hai bên trao đổi với nhau những lời chúc tụng xã giao. Sau khi trao đổi những lời chào hỏi thân thiện và xã giao thì họ ngồi sang một bên. Sau khi an tọa thì những người tu hành khát thực thuộc giáo phái khác cất lời với họ như sau: «Thưa các bạn, Vị Trảm tư (vị tu hành) Gotama (Cổ Đàm / tức là Đức Phật) từng mô tả sự hiểu biết về dục tính. Chúng tôi cũng vậy, chúng tôi cũng từng mô tả sự hiểu biết về dục tính. Vị ấy mô tả sự hiểu biết về hình tướng (thân hình, vóc dáng), chúng tôi cũng mô tả sự hiểu biết về hình tướng. Vị ấy mô tả sự hiểu biết về các giác cảm (feelings / các sự cảm nhận phát sinh từ lục giác). Chúng tôi cũng vậy, chúng tôi cũng mô tả sự hiểu biết về giác cảm. Vậy sự khác biệt là gì, sự cách biệt là gì, yếu tố nào giúp phân biệt giữa vị ấy và chúng tôi?».

Các vị tỳ-kheo không hân hoan cũng không tán thành trước các lời nói ấy của những người tu hành khát thực thuộc giáo phái khác, họ đứng lên rời chỗ ngồi và nói lên rằng: «Chúng tôi sẽ tìm hiểu thêm về ý nghĩa trong những lời nói ấy [của quý vị] với Đấng Thế Tôn».

Sau đó họ đi khát thực trong thành Sāvattthī, sau khi ăn xong và quay về [nơi khu rừng thưa của họ] thì họ tìm Đấng Thế Tôn. Khi gặp Ngài thì họ gập người vái chào và ngồi sang một bên. Sau khi an tọa thì họ thuật lại với Đấng Thế Tôn [những gì xảy ra lúc ban sáng] (đoạn này được cắt bớt để tránh sự dài dòng và lặp đi lặp lại).

«Này các tỳ-kheo, trong trường hợp khi những người tu hành khát thực thuộc các giáo phái khác nêu lên những điều như vậy thì các tỳ-kheo cứ đáp lại họ như

thế này: ‘Thưa các bạn, vậy đối với dục tính thì sự **thu hút** (*quyến rũ*) là gì, sự **bất lợi** (*tai hại*) là gì, sự **vượt thoát** (*giải thoát, thoát khỏi*) là gì? Đối với hình tướng (*vóc dáng, thân hình*) thì sự thu hút là gì, sự bất lợi là gì, sự vượt thoát là gì? Đối với các giác cảm thì sự thu hút là gì, sự bất lợi là gì, sự vượt thoát là gì? Khi hỏi họ như thế thì họ sẽ không sao trả lời được. Hơn nữa điều đó không khiến họ bối rối. Tại sao lại như vậy? Bởi vì điều đó rơi ra ngoài tầm hiểu biết của họ. Nay các tỳ-kheo, trong thế giới này, trong đó gồm có các thiên nhân, ma vương và cả các vị Phạm thiên (*Brahma / các vị Trời trong Ấn giáo*), trong dân chúng thì có các vị trầm tư (*những người tu hành khát thực không nhà*) các vị bà-la-môn (*các giáo sĩ trong Ấn giáo, các tướng sĩ cùng các vị thượng lưu thuộc đẳng cấp cao nhất trong xã hội*), kể cả vua chúa và dân gian, ta chưa hề thấy có ai trả lời được các câu hỏi ấy, ngoại trừ một vị Tathāgata (*một vị Phật*), hoặc các đệ tử của một vị Tathāgata, hoặc một người nào đó từng được nghe các vị ấy (*vị Tathāgata và các đệ tử của vị ấy*) giải thích».

Dục tính

«Vây, này các tỳ-kheo, **sự thu hút** của dục tính là gì? Đây là năm mối dây trói buộc của dục tính. Năm mối dây trói buộc ấy là gì? **Hình tướng** (*thân thể, vóc dáng*) nhận biết bởi mắt – [mang tính cách] dịu dàng, thích thú, khả ái, lôi cuốn, hấp dẫn, gợi lên sự thèm khát [dục tính]. **Âm thanh** nhận biết bởi tai [...] (*lặp lại như câu trên đây nhưng được cắt bớt để tránh sự dài dòng*). **Mùi** nhận biết bởi mũi [...]. **Vị** nhận biết bởi lưỡi [...]. **Cảm giác** đụng chạm nhận biết bởi thân thể – [mang tính cách] dịu dàng, thích thú, khả ái, lôi cuốn, hấp dẫn, gợi lên sự thèm khát [dục tính]. Dù sự thích thú và niềm hạnh phúc nào hiện lên liên quan với năm mối dây trói buộc đó đều tạo ra sự thu hút dục tính (*xin liên tưởng đến nguyên lý tương liên, tương tác và tương tạo giữa mọi hiện tượng, khi có sự nhận biết của các cơ quan giác cảm thì có sự thèm khát giác cảm xảy ra*).

«Vây **sự bất lợi** của dục tính là gì? Đây là trường hợp một người trong một bộ tộc (*một người bình dị trong xã hội*) vì lý do sinh tồn phải [tận lực] làm việc – chẳng hạn như làm nghề kiểm tra [hàng hóa], kế toán, định giá, lao động chân tay, buôn bán, chăn bò, xạ thủ (*săn bắn?*), phục vụ nơi chốn quan quyền, hoặc làm bất cứ nghề nghiệp gì thì cũng vậy – phải chịu đựng cảnh giá rét, nóng bức, muỗi mòng, gió bão, nắng mưa, rắn rết, đói khát, kiệt lực.

«Đây là sự bất lợi trong khung cảnh dục tính, cái khối khổ đau ấy (đoàn người đang phải tận lực làm việc), trông thấy được (đang xảy ra) tại nơi này và trong thời điểm này (đang xảy ra chung quanh chúng ta), [nhất loạt] bắt nguồn từ lý do (raison / nguyên do) dục tính, bắt nguồn từ nguồn gốc (source / cội nguồn) dục tính, bắt nguồn từ nguyên nhân (cause / nguyên có) dục tính. [Tóm lại] thật đơn giản, tất cả là vì lý do dục tính (toàn thể cái khối to lớn – gồm chung toàn thể đoàn người vất vả đang phải gánh chịu khổ đau vì lao động – đều được sinh ra từ cội nguồn dục tính, từ nguyên nhân dục tính).

Nếu một người dân trong bộ tộc (một người bình dị trong cộng đồng xã hội), mặc dù cố gắng, phấn đấu và tận lực làm việc, thế nhưng không tạo được cho mình một sự giàu có nào cả, thì trong trường hợp đó người ấy sẽ khó tránh khỏi lo buồn, ta thán, đấm ngực, quẫn trí: ‘Công ăn việc làm của tôi chẳng mang lại một kết quả nào cả, sức cố gắng của tôi quả là vô ích! Sự bất lợi ấy là vì lý do dục tính (dục tính là nguyên nhân đưa đến sự hình thành của mình, khiến mình phải tận lực làm việc, nhưng không mang lại kết quả hay lợi nhuận nào cả), cái khối khổ đau ấy (sự hiện hữu của con người ấy, của đoàn người lao động ấy), trông thấy được tại nơi này và trong thời điểm này, là vì lý do dục tính, là vì cội nguồn dục tính, là vì nguyên nhân dục tính. [Tóm lại] thật đơn giản, tất cả là vì lý do dục tính.

[Trái lại] nếu một người dân trong bộ tộc tạo được cho mình sự giàu có bằng cách cố gắng, phấn đấu và tận lực làm việc, thì người ấy sẽ tìm cách bảo vệ sự giàu có của mình: ‘Phải làm thế nào để vua chúa, kẻ trộm không chiếm đoạt của cải của tôi, hỏa hoạn không thiêu đốt của cải của tôi, lũ lụt không cuốn trôi của cải của tôi, những kẻ thù kẻ đáng ghét không tước đoạt của cải của tôi’. Và trong khi tìm cách bảo vệ của cải ấy của mình, không để cho vua chúa, kẻ trộm chiếm đoạt của cải của mình, những kẻ thù kẻ đáng ghét tước đoạt của cải của mình, thì người ấy tất sẽ khó tránh khỏi lo buồn, ta thán, đấm ngực, quẫn trí: ‘Những gì trước đây của tôi nay không còn nữa!’ Cũng vậy, sự bất lợi ấy lệ thuộc vào dục tính (dục tính đưa đến sự hiện hữu đầy khổ đau và trói buộc này của mình: nghèo đói cũng khổ đau, giàu có cũng khổ đau), cái khối khổ đau ấy, trông thấy được tại nơi này và trong thời điểm này, là vì lý do dục tính, là vì cội nguồn dục tính, là vì nguyên nhân dục tính. [Tóm lại] thật đơn giản, tất cả cũng là vì lý do dục tính.

«Cũng vậy, tất cả là vì lý do dục tính, là vì cội nguồn dục tính, là vì nguyên nhân dục tính. [Tóm lại] tất cả là vì lý do dục tính, khiến vua chúa tranh chấp với vua chúa, những người quý phái tranh chấp với những người quý phái, giai cấp bà-la-môn tranh chấp với giai cấp bà-la-môn, các người chủ gia đình tranh chấp với các người chủ gia đình, mẹ tranh chấp với con, con tranh chấp với mẹ, cha tranh chấp với con, con tranh chấp với cha, anh tranh chấp với anh, chị tranh chấp với chị, anh tranh chấp với chị, chị tranh chấp với anh, bạn hữu tranh chấp với nhau. Thế rồi các sự tranh chấp ấy đưa đến nào là gây gổ, cãi vã, đâm đá, ném đất vào nhau, đâm chém nhau, đưa đến cái chết hoặc gây ra thương tích đau đớn chết người. Đây là sự trở ngại phát sinh từ khung cảnh dục tính [đưa đến sự hiện hữu này của mình], cái khối khổ đau ấy (tức là sự hiện hữu của mình và của con người nói chung), trông thấy được tại nơi này và trong thời điểm này, là vì lý do dục tính, là vì cội nguồn dục tính, là vì nguyên nhân dục tính. [Tóm lại] thật đơn giản, tất cả cũng là vì lý do dục tính.

«Cũng vậy, tất cả cũng chỉ vì lý do dục tính, chỉ vì cội nguồn dục tính, chỉ vì nguyên nhân dục tính mà họ (những con người ấy) cầm kiếm, cầm khiên, cầm cung, cầm tên, xông vào trận chiến, dàn trận thành hai hàng [ngang] (hai phe), bắn tên, phóng lao, ánh sáng từ các thanh kiếm lóe lên loang loáng. Họ bị trúng tên, trúng lao, bị kiếm chém vào đầu, đưa đến cái chết hoặc mang thương tích đau đớn chết người. Thế nhưng sự bất lợi tạo ra trong khung cảnh dục tính ấy, cái khối khổ đau ấy (sự hiện hữu của chính mình và của con người nói chung), trông thấy được tại nơi này và trong thời điểm này, là vì lý do dục tính, là vì cội nguồn dục tính, là vì nguyên nhân dục tính. [Tóm lại], thật đơn giản, tất cả cũng là vì lý do dục tính (trong một trận chiến giữa hàng trăm, hàng ngàn, hàng chục ngàn người lính, thì tất cả sự hiện hữu của họ trong trận chiến đang xảy ra nơi bãi chiến trường, đều phát sinh từ một cội nguồn chung là dục tính. Thế nhưng bài giảng không quy trách nhiệm cho cha mẹ họ, hoặc là bất cứ ai tác tạo ra họ, mà chỉ cho biết là vì dục tính mà họ đang phải chém giết nhau. Thật vậy dục tính là một động lực chung đưa đến sự hình thành của tất cả mọi con người, và cũng là phương tiện chuyển tải kamma / nghiệp của mỗi cá thể. Các chiến sĩ nhìn vào nhau như là kẻ địch, nhưng không nghĩ rằng sự hiện hữu của họ cũng như của mình hôm nay, nơi chiến trường này, cũng chỉ là hậu quả mang lại từ dục tính, từ nguyên nhân dục tính, từ cội nguồn dục tính).

«Cũng vậy, tất cả cũng chỉ vì lý do dục tính, chỉ vì cội nguồn dục tính, chỉ vì nguyên nhân dục tính mà họ (những con người ấy) cầm kiếm, cầm khiên, cầm

cung, cầm tên, ánh sáng từ các thanh kiếm lóe lên loang loáng; họ trèo lên các thành lũy trơn trượt giữa tên bay lao phóng; họ bị đổ lên đầu phân bò quậy nước nấu sôi, mang thương tích vì tên bắn lao đâm; họ bị nghiền nát bởi các vật nặng [ném xuống từ trên cao], họ bị chém vào đầu, bị giết hoặc mang thương tích đau đớn chết người. Thế nhưng trong lãnh vực dục tính, thì sự bất thuận lợi ấy, cái khối khổ đau ấy (con người của mình và cả sự hiện hữu của tất cả các binh sĩ khác), trông thấy được tại nơi này và trong thời điểm này, là vì lý do dục tính, là vì cội nguồn dục tính. [Tóm lại], thật đơn giản, tất cả cũng là vì lý do dục tính (giữa cuộc chiến, người chiến sĩ dù là đứng vào phía bên này hay bên kia, thì cũng là hậu quả phát sinh từ dục tính, là hiện thân của dục tính. Đánh nhau, giết nhau gây thương tích cho nhau chỉ vì những các lý do thứ yếu, tức là miếng ăn và sự sống, những không hề nghĩ đến nguyên nhân sâu xa hơn là dục tính, sự thúc đẩy của dục tính, đưa đẩy mình gia nhập vào ‘cái khối khổ đau’ hôm nay, trên chiến trường này)».

«Cũng vậy, tất cả cũng chỉ vì lý do dục tính, chỉ vì cội nguồn dục tính, chỉ vì nguyên nhân dục tính mà họ (những con người ấy) cạy cửa, vơ vét, trộm cắp, phục kích, cướp giết trên các trục lộ, vi phạm vào các hành vi gian dâm, nếu bị bắt thì bị quan quân tra tấn bằng mọi thứ cực hình, đánh đập bằng gậy gộc, bằng dùi cui, bị chặt tay, chặt chân, chặt tay và cả chặt chân, cắt tai, cắt mũi, ‘ném vào vạc cháo nấu sôi’, ‘cạo tróc da đầu’, ‘cho vào miệng của vị thần Rāhu’ (Rāhu’ mouth), ‘đốt cháy như một ngọn đuốc’, [...] (nói chung là các cực hình vào thời bấy giờ, nhưng không kể hết ra đây vì quá dài dòng). Thế nhưng trong lãnh vực dục tính, thì sự bất thuận lợi ấy, cái khối khổ đau ấy, trông thấy được tại nơi này và trong thời điểm này, là vì lý do dục tính, là vì cội nguồn dục tính, là vì nguyên nhân dục tính. [Tóm lại], thật đơn giản, tất cả cũng là vì lý do dục tính.

«Cũng vậy, tất cả cũng chỉ vì lý do dục tính, chỉ vì cội nguồn dục tính, chỉ vì nguyên nhân dục tính mà họ (những con người ấy) phạm vào các lỗi lầm trên thân xác, qua ngôn từ và trong tâm thần. Khi đã phạm vào các lỗi lầm trên thân xác, qua ngôn từ và trong tâm thần, thì sau khi chết, thân xác tan rã, họ sẽ tái hiện hiện trong các hoàn cảnh khôn cùng, thuộc một cấp bậc tội tệ, trong một cảnh giới thấp kém, kể cả trong cõi địa ngục. Thế nhưng trong lãnh vực dục tính, thì sự bất thuận lợi ấy, cái khối khổ đau ấy, trông thấy được tại nơi này và trong thời điểm này, là vì lý do dục tính, là vì cội nguồn dục tính, là vì nguyên nhân dục tính. [Tóm lại], thật đơn giản, tất cả cũng là vì lý do dục tính».

«Này các tỳ-kheo, vậy **sự vượt thoát dục tính** là gì? Đây là sự chủ động (**khuất phục**) sự ‘thèm-khát-đam-mê’ (desire-passion), sự buông bỏ sự ‘thèm-khát-đam-mê’: Đây gọi là sự vượt thoát dục tính.

«Không có vị trầm tư (**vị tu hành**) nào, vị bà-la-môn (**vị giáo sĩ bà-la-môn**) nào (**nói chung là các vị tu hành thuộc các giáo phái khác**) nhận thấy được đúng là như thế: **sự thu hút** của dục tính là **một sự thu hút**, sự bất lợi của dục tính là **một sự bất lợi**, sự vượt thoát (**giải thoát**) khỏi dục tính là **một sự vượt thoát**, và chỉ mong sao họ hiểu được dục tính là gì và làm bùng lên sự thật ấy nơi kẻ khác, giúp kẻ khác tu tập đúng như vậy, [có nghĩa là] hiểu được dục tính thật sự là gì: Điều này quả **khó thực hiện**. Thế nhưng nếu có một vị trầm tư nào, một vị bà-la-môn nào nhận thấy [mọi sự] đúng như thế: Sự thu hút của dục tính là một sự thu hút, sự bất lợi của dục tính là một sự bất lợi, sự vượt thoát khỏi dục tính là một sự vượt thoát. Và chỉ mong sao họ hiểu được dục tính là gì và làm bùng lên sự thật ấy nơi kẻ khác, giúp kẻ khác tu tập đúng như vậy, [có nghĩa là] hiểu được dục tính là gì: Điều đó **có thể thực hiện được** (**người tu hành hiểu được bản chất dục tính thật sự là gì thì mới có thể làm gương cho những người thế tục nhìn vào mình để họ hiểu được dục tính là gì, sự thu hút của dục tính là gì, sự bất lợi của dục tính là gì, sự vượt thoát dục tính là gì hầu mang lại sự giải thoát cho mình**).

Hình tướng

«Này các tỳ-kheo, vậy **sự thu hút** của hình tướng là gì? Hãy hình dung một thiếu nữ thuộc giai cấp quý phái, hoặc thuộc giai cấp bà-la-môn, hoặc tầng lớp chủ gia đình (**dân dã**), trạc độ mười-lăm hay mười-sáu tuổi, không to lớn cũng không bé nhỏ, không gầy nhom cũng không béo tròn, không đen đúa cũng không trắng bệch. Sắc đẹp và sự duyên dáng của cô thiếu nữ vào cái lứa tuổi đó phải chẳng đã đạt đến chỗ tột đỉnh?»

«Vâng, thưa Thế Tôn (**các tỳ-kheo hình dung ra một thiếu nữ tuyệt đẹp**)».

«Dù là **sự thích thú** nào hay **niềm vui sướng** nào hiện lên với mình liên quan đến sắc đẹp và sự duyên dáng ấy [thì đấy gọi là]: Sự thu hút của hình tướng.

«Vậy **sự bất lợi** của hình tướng là gì? Đây là trường hợp một người nhìn vào chính cô thiếu nữ ấy, nhưng là về sau này [vào lúc tuổi già] khi đã tám-mươi,

chín-mười hay một trăm tuổi: [đấy là lúc] mái xiêu, lưng còm, tay chống gậy, tê liệt, thảm thương, mắt răng, tóc bạc và thừa thớt, trán hói, chỗ thì da nhăn, chỗ thì da mồi. Các tỳ-kheo nghĩ sao? Có phải là sắc đẹp và sự duyên dáng trước đây của người phụ nữ đã tan biến hết hay không, có phải là sự bất lợi đang hiện ra với người phụ nữ hay không?»

«Quả đúng là như vậy, thưa Thế Tôn».

«Này các tỳ-kheo, đấy gọi là sự bất lợi của hình tướng».

«Cũng vậy, một người nhìn vào cùng một người phụ nữ ấy nhưng trong lúc đang đau ốm, lâm trọng bệnh, cơn đau đang hành hạ, bê bết nước tiểu và phân, phải nhờ người khác nâng lên, đặt xuống. Các tỳ-kheo nghĩ sao? Có đúng là sắc đẹp và sự duyên dáng trước đây của người phụ nữ đã tan biến hết, và sự bất lợi đang hiện ra hay không?»

«Quả đúng là như vậy, thưa Thế Tôn».

«Cũng vậy, này các tỳ-kheo, đấy là sự bất lợi của hình tướng».

«Cũng vậy, một người nào đó [vào một ngày nào đó] có thể trông thấy người phụ nữ ấy nhưng là một xác chết ném vào một hố chôn người, một ngày, hai ngày hay ba ngày sau khi chết, sinh thối, tái xanh, rỉ nước. Các tỳ-kheo nghĩ sao? Có đúng là sắc đẹp và sự duyên dáng trước đây của người phụ nữ đã tan biến hết, và sự bất lợi đang hiện ra hay không?»

«Quả đúng là như vậy, thưa Thế Tôn».

«Cũng vậy, này các tỳ-kheo, đấy là sự bất lợi của hình tướng».

«Cũng vậy, một người nào đó có thể trông thấy người phụ nữ ấy nhưng là một xác chết ném vào hố chôn người, bị quạ, kên kên, chó, linh cẩu cùng các loài thú khác cẩu xé [...], một bộ xương còn dính thịt và vấy máu, nhưng nhờ còn gân nên các đốt xương vẫn còn dính vào nhau [...], một bộ xương mất hết thịt, mất hết máu, nhưng nhờ gân nên các đốt xương vẫn còn dính vào nhau [...], một bộ xương mất hết gân, rời ra từng khúc, vương vãi khắp nơi – xương tay một chỗ, xương chân một nơi, xương ống quyển một chỗ, xương đùi một nơi, xương hông

một chỗ, xương sống một nơi, xương sườn một chỗ, xương ức một nơi, xương vai một chỗ, xương cổ một nơi, xương hàm một chỗ, răng một nơi, xương sọ một chỗ, [...], các khúc xương trắng bệch như vỏ sò, [...], chồng chất lên nhau, và hơn một năm sau thì tan ra thành bột. Các tỳ-kheo nghĩ sao? Có phải sắc đẹp và sự duyên dáng trước đây của người phụ nữ đã tan biết hết, và sự bất lợi đang hiện ra hay không?».

«Quả đúng là như vậy, thưa Thế Tôn».

«Cũng vậy, này các tỳ-kheo, đây là sự bất lợi của hình tướng».

«Này các tỳ-kheo, vậy sự vượt thoát hình tướng là gì? Chủ động (*khuất phục*) sự thèm-khát-và-đam-mê hình tướng, buông bỏ sự thèm-khát-và-đam-mê hình tướng là cách vượt thoát hình tướng».

«Nếu có bất cứ một vị trầm tư nào (*một vị tu hành nào*) nào hoặc một vị bà-la-môn nào (*một vị giáo sĩ Bà-la-môn nào*) **không nhận thấy được** những gì xảy ra là như thế, sự thu hút của hình tướng [trong lãnh vực dục tính] là một sự thu hút, sự bất lợi của hình tướng [trong lãnh vực dục tính] là một sự bất lợi, sự vượt thoát hình tướng [trong lãnh vực dục tính] là một sự vượt thoát, thì cũng ước mong rằng [rồi đây] họ sẽ hiểu được hình tướng là gì, hầu giúp họ gọi lên với kẻ khác về sự thật đó, phù hợp với việc tu tập của họ: Điều đó quả **khó thực hiện**. Thế nhưng nếu bất cứ một vị trầm tư nào, bất cứ một vị bà-la-môn nào khi **đã nhận thấy được** những gì xảy ra là như thế, sự thu hút của hình tướng [trong lãnh vực dục tính] là một sự thu hút, sự bất lợi của hình tướng [trong lãnh vực dục tính] là một sự bất lợi, sự vượt thoát hình tướng [trong lãnh vực dục tính] là một sự vượt thoát, thì cũng ước mong [rồi đây] họ sẽ hiểu được hình tướng là gì, hầu giúp họ gọi lên với kẻ khác về sự thật đó, phù hợp với sự tu tập của họ: Điều đó **có thể thực hiện được**».

Giác cảm

«Vậy, này các tỳ-kheo, **sự thu hút** của giác cảm (*feeling*) là gì? Đây là trường hợp một người tỳ-kheo – hoàn toàn thoát khỏi dục tính, thoát khỏi các sự ô nhiễm [tâm thân] – hòa nhập và an trú trong thể dạng **jhāna** (*thiền-na*) **thứ nhất**: khiến sự vui sướng (*rapture*) và sự thích thú (*pleasure*) phát sinh từ sự ẩn dật, kèm với các tư duy được hướng dẫn (*directed thought* / *sự suy nghĩ hướng*

vào các đối tượng rõ rệt, nói chung là một sự suy nghĩ ‘miên man’, hướng vào các đối tượng đủ loại) và các sự thẩm định (evaluations / các sự ý thức hiện lên trong tâm thần). Đồng thời người tỳ-kheo không tạo ra ý định nào gây ra đau buồn (affliction / đốn đau, khổ nhọc) cho mình, không gây đau buồn cho kẻ khác, cũng không gây đau buồn cho mình và cả kẻ khác. Người tỳ-kheo cảm nhận được một giác cảm hoàn toàn không đau buồn. Ta bảo với các tỳ-kheo rằng giác cảm không một mảy may đau buồn nào là thể dạng thu hút cao nhất trong lãnh vực giác cảm (câu này có ý nêu lên sự khác biệt giữa các giác cảm dục tính phát sinh từ lục giác và các giác cảm hiện lên trong lúc thiền định)».

«Cũng vậy, một người tỳ-kheo, sau khi làm lắng xuống các tư duy được hướng dẫn cùng các sự thẩm định, hòa nhập và an trú trong thể dạng **Jhāna thứ hai**: thì sự vui sướng phát sinh nhờ sự tập trung [tâm thần], nhờ sự hợp nhất của tri thức, sẽ giúp người tỳ-kheo thoát ra khỏi các tư duy được hướng dẫn cùng các sự thẩm định, tạo ra cho mình một sự vững vàng trong nội tâm (internal assurance / sự vững chắc trong nội tâm) [...]. [Tiếp theo sau đó] nhờ sự lắng xuống của sự vui sướng, người tỳ-kheo tạo được cho mình sự thanh thản (equanimity / sự thăng bằng, sự bình lặng), sự tỉnh giác (mindful / chánh niệm) và sự cảnh giác (alert / sự tỉnh thức, bén nhạy và tinh tường), giúp mình cảm nhận được sự thích thú (pleasure) trên thân thể. Người tỳ-kheo hòa nhập và an trú trong thể dạng **Jhāna thứ ba**, và trong thể dạng này những người cao quý (những người tu hành thành đạt) có thể bảo rằng: ‘Với một tâm thức thanh thản và tỉnh giác (mindful / chánh niệm) người tỳ-kheo tạo được cho mình một sự thích thú vững vàng’. [...] Sau đó với sự buông bỏ thích thú và cả đốn đau – tương tự như sự buông bỏ trước đó về niềm hân hoan (elation / sự phấn khởi) và cả sự đau buồn – người tỳ-kheo hòa nhập và an trú trong thể dạng **Jhāna thứ tư**: [tạo ra cho mình] một thể dạng tinh khiết qua sự thanh thản và sự tỉnh giác (mindful / chánh niệm), không thích thú cũng không đốn đau. Đồng thời người tỳ-kheo không có ý định nào gây đau buồn cho mình, gây đau buồn cho kẻ khác, gây đau buồn cho mình và cả kẻ khác. Người tỳ-kheo cảm nhận được một giác cảm hoàn toàn thoát khỏi mọi sự đau buồn. Ta khẳng định với các tỳ-kheo rằng thể dạng không đau buồn đó phản ánh sự thu hút cao nhất trong lãnh vực giác cảm (giác cảm hiện lên từ thể dạng jhāna thứ tư trong phép thiền định thanh thoát và siêu việt hơn nhiều so với các giác cảm phát sinh từ dục tính)».

«Vậy **sự bất lợi** của giác cảm là gì? Đây là sự kiện cho thấy giác cảm không trường tồn, đốn đau và bất định: Đây là sự bất lợi của giác cảm».

«Vậy **sự vượt thoát** giác cảm là gì? Chủ động được sự thèm-khát-và-đam-mê giác cảm, buông bỏ được sự thèm-khát-và-đam-mê giác cảm là cách vượt thoát giác cảm.

«Nếu có bất cứ một vị trầm tư nào hoặc một vị bà-la-môn nào **không nhận thấy được** những gì xảy ra là như thế, sự thu hút của giác cảm [trong lãnh vực dục tính] là một sự thu hút, sự bất lợi của giác cảm [trong lãnh vực dục tính] là một sự bất lợi, sự vượt thoát giác cảm [trong lãnh vực dục tính] là một sự vượt thoát, thì cũng ước mong rằng [rồi đây] họ sẽ hiểu được giác cảm [trong lãnh vực dục tính] là gì, hầu giúp họ gọi lên với kẻ khác về sự thật đó, phù hợp với sự tu tập của họ: Điều đó quả **khó thực hiện**. Thế nhưng nếu bất cứ một vị trầm tư nào, bất cứ một vị bà-la-môn nào khi đã **nhận thấy được** những gì xảy ra là như thế, sự thu hút của giác cảm [trong lãnh vực dục tính] là một sự thu hút, sự bất lợi của giác cảm [trong lãnh vực dục tính] là một sự bất lợi, sự vượt thoát giác cảm [trong lãnh vực dục tính] là một sự vượt thoát, thì cũng ước mong rằng [rồi đây] họ sẽ hiểu được giác cảm dục tính là gì, hầu giúp họ gọi lên với kẻ khác về sự thật đó, phù hợp với sự tu tập của họ: Điều đó **có thể thực hiện được**».

Vài lời ghi chú

Bài thuyết giảng trên đây về vấn đề dục tính đầy đủ mọi mặt : dục tính là gì, dục tính phát sinh như thế nào, sự thu hút và mê say dục tính là gì, sự bất lợi và nguy hại của dục tính là gì, sự vượt thoát dục tính là như thế nào, dục tính đầy đoạ con người như thế nào, tại sao dục tính lại tạo ra cả một khối khổ đau thật to lớn trong sự hiện hữu của con người. Sau hết bài giảng nêu lên phép thiền định giúp người tu hành tạo được cho mình một thể dạng tâm thần thanh thoát, tinh khiết, thẳng bằng, cô đọng, vững vàng, phẳng lặng, vượt lên trên cái khối khổ đau to lớn của sự hiện hữu, giúp mình thoát ra khỏi sự chuyển động triền miên của thế giới, chi phối và thúc đẩy bởi nguyên lý tương liên tương tác và tương tạo.

Ngoài ra bài giảng cũng nêu lên cho thấy các giáo phái khác, kể cả đạo Bà-la-môn, không hiểu gì cả về vấn đề dục tính. Điều này cho thấy Phật giáo, ít nhất là vào thời đại bây giờ, là tín ngưỡng duy nhất nhìn thẳng vào vấn đề dục tính, giải thích về vấn đề dục tính và nêu lên phương cách vượt thoát dục tính.

Bures-sur-Yvette, 26.09.25

(Còn tiếp)